

Số: 236 /BC-UBND

Bình Định, ngày 05 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO**

**Tài chính nhà nước tỉnh Bình Định năm 2018**

*(Báo cáo phục vụ kỳ họp lần thứ 11, HĐND tỉnh Khóa XII)*

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015; Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14/3/2017 của Chính phủ về Báo cáo tài chính nhà nước; Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập Báo cáo tài chính nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh kính Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh Bình Định năm 2018 (Báo cáo TCNN tỉnh), cụ thể như sau:

Báo cáo TCNN được lập trên cơ sở hợp nhất các báo cáo tài chính của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế và các đơn vị có liên quan khác thuộc khu vực nhà nước. Đồng thời, Báo cáo TCNN này được sử dụng để tổng hợp, thuyết minh về tình hình tài chính nhà nước; kết quả hoạt động tài chính nhà nước và lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính khu vực nhà nước trên địa bàn tỉnh (*cụ thể: Báo cáo TCNN tỉnh được lập trên cơ sở hợp nhất 545 báo cáo tài chính của đơn vị dự toán cấp 1; số thu và phải thu ngân sách nhà nước (NSNN) của Cục thuế tỉnh; số liệu về tài sản kết cấu hạ tầng của tỉnh do Cục quản lý công sản – Bộ Tài chính cung cấp, vốn nhà nước tại doanh nghiệp do tỉnh quản lý từ Sở Tài chính cung cấp và một số khoản thu, chi NSNN khác do Kho bạc nhà nước tỉnh tổng hợp từ hệ thống TABMIS và Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện, thành phố, thị xã*).

Báo cáo TCNN tỉnh gồm một số nội dung chính, như sau:

**1. Báo cáo tình hình tài chính nhà nước**

Đến cuối năm 2018 (ngày 31/12/2018), tổng giá trị tài sản là 34.221 tỷ đồng, bao gồm: tài sản ngắn hạn là 7.715 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 22,55% tổng tài sản; tài sản dài hạn là 26.506 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 77,45% tổng tài sản. Chủ yếu phản ánh ở các khoản, như: khoản tiền và các khoản tương đương tiền là 4.680 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng tương ứng 60,66% tài sản ngắn hạn và 13,67% của tổng tài sản; vốn nhà nước tại doanh nghiệp (đầu tư tài chính dài hạn) là 3.853 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 11,25% của tổng tài sản, trong đó chủ yếu tài sản là hệ thống hồ, đập, kênh mương thủy lợi được hình thành từ nguồn vốn nhà nước giao cho Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định là 3.461 tỷ đồng; tài sản hình thành từ xây dựng cơ bản dở dang, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình và tài sản vô hình.

Các tài sản nêu trên của tỉnh được hình thành chủ yếu từ nguồn vốn (vốn chủ sở hữu) của nhà nước (được hình thành và tích lũy qua các năm từ hoạt động thu chi tài chính, ngân sách) và nguồn thặng dư (lũy kế). Nguồn hình thành tài sản từ việc vay nợ chiếm tỷ trọng không đáng kể (tỷ lệ khoảng 1,21%), trong đó vay nợ

của chính quyền địa phương (NSNN) là 417,4 tỷ đồng.

## **2. Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước**

Báo cáo kết quả hoạt động tài chính 2018 phản ánh số liệu doanh thu và chi phí của khu vực nhà nước theo từng năm của 02 năm liên kế (năm 2017 và năm 2018). Tuy nhiên, số liệu năm 2017 chưa được cập nhật, vì năm 2018 mới là năm đầu tiên lập báo cáo tài chính nhà nước. Báo cáo này chỉ ra sự cân bằng giữa thu nhập (doanh thu) và chi phí trong từng kỳ kế toán của khu vực nhà nước, trong đó tập trung chủ yếu vào hoạt động thu, chi thuộc NSNN và các hoạt động ngoài NSNN của các đơn vị thuộc khu vực nhà nước (ví dụ: hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị sự nghiệp; các hoạt động thu chi từ khoản phí được khấu trừ để lại cho đơn vị...), chi tiết một số chỉ tiêu:

Tổng doanh thu tài chính 2018 của tỉnh là 16.557 tỷ đồng. Trong đó: doanh thu thuộc NSNN (bao gồm: thu NSNN và phải thu NSNN của cơ quan thuế) là 14.866 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn 89,78% tổng thu nhập (*chủ yếu: doanh thu từ thuế là 3.656 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 24,6% doanh thu thuộc NSNN; doanh thu từ phí, lệ phí là 729 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 4,9% doanh thu NSNN; doanh thu từ vốn góp và các khoản đầu tư của nhà nước là 73 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,5% doanh thu NSNN; doanh thu từ viện trợ không hoàn lại là 10 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,1% doanh thu NSNN và doanh thu khác là 10.398 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 69,9% doanh thu NSNN*) và doanh thu không thuộc thu NSNN là 1.691 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 10,22% tổng thu nhập.

Tổng chi phí tài chính 2018 là 7.412 tỷ đồng. Trong đó: chi phí từ nguồn NSNN là 5.770 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 77,84% tổng chi phí (*chủ yếu là chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho con người 4.028 tỷ đồng chiếm 69,81% chi phí từ nguồn NSNN*); chi phí từ nguồn ngoài NSNN là 1.643 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 22,16% tổng chi phí.

Thặng dư từ chênh lệch tổng thu nhập và tổng chi phí là 9.145 tỷ đồng. Trong đó, thặng dư từ NSNN là 9.096 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 99,46% tổng thặng dư; thặng dư từ ngoài NSNN là 49 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,54% tổng thặng dư. Vì vậy, các hoạt động thu chi từ NSNN vẫn là nguồn hình thành chủ yếu cho các khoản thặng dư tài chính hàng năm của tỉnh; trong khi đó, doanh thu và chi phí của hoạt động ngoài NSNN chiếm tỷ trọng nhỏ và mức độ xã hội hóa các khoản thu, chi (sự nghiệp, dịch vụ...) từ khu vực nhà nước còn thấp.

## **3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2018 phản ánh thông tin về dòng tiền NSNN trên phạm vi tỉnh, tổng hợp từ số liệu của các hoạt động thu chi quỹ NSNN theo hoạt động chủ yếu NSNN, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính.

Dòng tiền phản ánh bằng các chỉ tiêu: tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm 2018 là 2.325 tỷ đồng; lưu chuyển tiền thuần trong năm 992 tỷ đồng (*với lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chủ yếu NSNN tăng 6.472 tỷ đồng, lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư giảm 5.403 tỷ đồng và lưu chuyển tiền thuần hoạt động tài chính giảm 77 tỷ đồng*); tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm 2018 là 3.317 tỷ đồng.

Trên đây là Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh Bình Định năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo Hội đồng nhân dân xem xét./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS- HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh Khóa XII;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K7.

*Phu*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Phan Cao Thắng*  
**Phan Cao Thắng**